

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 323/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần N.

Trụ sở: 201-203, A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông Vũ Duy N – Chuyên viên xử lý nợ, Công ty TNHH Một thành viên Q. Là người đại diện theo uỷ quyền của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Q.

Địa chỉ: Lầu 6, Số 11-11A-13 V, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
(văn bản uỷ quyền số 583/2022/UQ-AMC ngày 29/8/2022)

- *Bị đơn*: chị Nguyễn Thị Kiều T1, sinh năm 1993;

ĐKTT: Ấp 4, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ liên lạc: 110, C, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Vào ngày 10/02/2023, chị Nguyễn Thị Kiều T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/02/2023 là 1.697.211.772 đồng (một tỷ sáu trăm chín mươi bảy triệu hai trăm mười một nghìn

bảy trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 994.444.000 đồng (chín trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) và nợ lãi 702.767.772 đồng (bảy trăm lẻ hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai đồng).

Chị Nguyễn Thị Kiều T1 còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0072/2019/925-CV ngày 28/01/2019 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á – Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch H và chị Nguyễn Thị Kiều T1 đối với số tiền nêu trên kể từ ngày 03/02/2023 cho đến khi trả xong nợ.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp chị Nguyễn Thị Kiều T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần N được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 68, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.480,5m², tọa lạc ở ấp N1, xã N2, huyện T, tỉnh Long An; người sử dụng đất là chị Nguyễn Thị Kiều T1; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 813000, số vào sổ GCN: CS 12210 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp ngày 24/01/2019 theo Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) (để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp) số 0062/2019/925-BĐ ngày 28/01/2019 được công chứng tại Phòng công chứng Lê Văn H ngày 28/01/2019, số công chứng 1064, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị Kiều T1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng (chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ) là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Do Ngân hàng Thương mại cổ phần N đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng nên chị Nguyễn Thị Kiều T1 có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần N số tiền này.

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được giảm 50% là 31.458.177 đồng (ba mươi một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng).

Chị Nguyễn Thị Kiều T1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí là 31.458.177 đồng (ba mươi một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn một trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.545.000 đồng (hai mươi chín triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009246 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền